

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 20/2026/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 197/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Số C đường B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lâm Thị Bích C, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Số D đường H, Ấp A, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31/12/2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31/12/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Ngọc B và bà Lâm Thị Bích C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc B và bà Lâm Thị Bích C thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 114 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/10/2019).

2.2. Về con chung: Ông B và bà C có 02 con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh ngày 09/11/2019 và trẻ Nguyễn Thanh N, sinh ngày 16/11/2021. Hai bên thống nhất thỏa thuận giao con chung là trẻ Nguyễn Thanh N cho ông B và giao trẻ Nguyễn Ngọc Như Ý cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực

tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Ngọc B đồng ý cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Ngọc Như Ý mỗi tháng 1.500.000 đồng, thực hiện vào ngày 05 hàng tháng ngay sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày đến hạn cấp dưỡng và bà Lâm Thị Bích C có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Ngọc B chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì ông Nguyễn Ngọc B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải cấp dưỡng theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4. Về tài sản chung: Ông B và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Nợ chung: Ông B và bà C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc B tự nguyện chịu án phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020577 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Nguyễn Ngọc B đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 6 – Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND phường Xóm Chiếu,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.



THẨM PHÁN

Phạm Thị Lựu